

KỶ THI CHỌN HSG TỈNH LỚP 9 THCS
NĂM HỌC 2010-2011
TÊN ĐƠN VỊ : PHÒNG GD-ĐT LƯƠNG SƠN

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI

Tờ số: 1

Số TT	Số BD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi	Xếp giải	Môn thi, bảng thi
1	2	3		4	5	6	7	8
1	01A010	ĐỖ ANH	TUẤN	20/07/96	BV Lương Sơn	16,00	Ba	Toán
2	01A003	LÊ THỊ THẢO	NGUYỄN	22/08/96	Kim Bôi - HB	14,25	KK	Toán
3	01A001	PHẠM TRƯỜNG	GIANG	17/05/96	Lương Sơn - HB	14,00	KK	Toán
4	01A007	PHAN THỊ	PHƯƠNG	19/07/96	Lương Sơn - HB	14,00	KK	Toán
5	01A009	HUỲNH THỊ QUỲNH	TRANG	24/07/96	BV Lương Sơn	12,50	KK	Toán
6	01A004	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	09/08/96	Kim Bôi - HB	12,25	KK	Toán
7	02A008	ĐỖ QUỲNH	VÂN	02/01/96	Lương Sơn - HB	15,50	Ba	Vật Lý
8	02A001	LÊ TRỌNG	ANH	04/02/96	Lương Sơn - HB	13,00	KK	Vật Lý
9	02A005	LÊ THỊ	HOA	12/09/96	Lương Sơn - HB	12,50	KK	Vật Lý
10	02A002	NGUYỄN HỮU	DUY	12/07/96	Kim Bôi - HB	11,00	KK	Vật Lý
11	02A006	NGUYỄN HƯƠNG	LY	17/01/96	Lương Sơn - HB	10,00	KK	Vật Lý
12	03A008	PHẠM THỊ HOÀI	PHƯƠNG	14/09/96	BV Lương Sơn	17,50	Nhì	Hóa Học
13	03A010	NGUYỄN TUẤN	VŨ	30/09/96	BV Lương Sơn	17,50	Nhì	Hóa Học
14	03A009	NGUYỄN THANH	TÚ	07/11/96	BV Lương Sơn	17,00	Nhì	Hóa Học
15	03A007	NGUYỄN THIÊN	NGA	22/01/96	Lương Sơn - HB	15,50	KK	Hóa Học
16	03A005	LÊ THỊ THU	MAI	05/09/96	BV Lương Sơn	14,50	KK	Hóa Học
17	03A002	PHẠM THỊ NGỌC	HÀ	17/12/96	BV Lương Sơn	14,50	KK	Hóa Học
18	03A003	BÙI THUY	LINH	09/09/96	Kim Bôi - HB	13,50	KK	Hóa Học
19	04A006	NGUYỄN BÍCH	HUÔNG	11/05/96	BV Lương Sơn	15,00	Ba	Sinh Học
20	04A005	NGUYỄN THỊ THU	HUỆ	15/03/96	Lương Sơn - HB	14,50	Ba	Sinh Học
21	04A001	NGUYỄN LINH	CHI	16/12/96	BV Lương Sơn	13,50	Ba	Sinh Học
22	04A003	DƯƠNG MỸ	HẠNH	14/02/96	Vôi đá Lương	13,00	KK	Sinh Học
23	04A007	LÊ ĐỨC	MINH	14/08/96	TT Xuân Mai	13,00	KK	Sinh Học
24	04A010	NGUYỄN NGỌC	QUỲNH	23/07/96	Kim Bôi - HB	12,00	KK	Sinh Học
25	04A009	HOÀNG THỊ	NGUYỆT	20/03/96	Lương Sơn - HB	10,50	KK	Sinh Học
26	05A006	Y	MÂY	30/07/96	Lương Sơn - HB	15,50	Nhì	Ngữ văn
27	05A003	LÊ THỊ	HUYỀN	20/10/96	Lương Sơn - HB	15,50	Nhì	Ngữ văn
28	05A009	CẦN THỊ NHẬT	QUỲNH	17/06/96	BV tỉnh Gia Lai	15,00	Ba	Ngữ văn
29	05A005	ĐINH THỊ	LOAN	11/08/96	Lương Sơn - HB	14,50	Ba	Ngữ văn
30	05A007	NGUYỄN HOÀNG TRÀ	MY	06/08/96	Hoài Đức - HT	14,00	Ba	Ngữ văn
31	05A008	NGUYỄN THỊ	NHƯ	25/08/96	Lương Sơn - HB	13,50	KK	Ngữ văn
32	05A002	NGUYỄN NGỌC	HIỀN	03/08/96	Kim Bôi - HB	13,00	KK	Ngữ văn
33	06A009	BÙI THỊ	THƯƠNG	13/12/96	Lương Sơn - HB	14,50	Ba	Lịch Sử
34	06A010	NGUYỄN VĂN	VINH	10/02/96	Lương Sơn - HB	11,00	KK	Lịch Sử

Số TT	Số BD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi	Xếp giải	Môn thi, bảng thi
1	2	3		4	5	6	7	8
35	07A001	VŨ THỊ PHƯƠNG	ANH	10/09/96	Lương Sơn - HB	17,00	Nhì	Địa Lý
36	07A002	HOÀNG THỊ	CHINH	21/02/96	Lương Sơn - HB	15,00	Ba	Địa Lý
37	07A008	LẠI THỊ	NGUYỆT	16/06/96	BV Lương Sơn	14,50	Ba	Địa Lý
38	07A006	ĐINH QUANG	NAM	21/10/96	Lương Sơn - HB	14,00	Ba	Địa Lý
39	07A007	ĐỖ THỊ	NGÀ	27/07/96	Kim Bôi - HB	12,50	KK	Địa Lý
40	07A004	BÙI THỊ	HÒA	16/11/96	Lương Sơn - HB	12,00	KK	Địa Lý
41	08A002	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	24/08/96	Lương Sơn - HB	19,00	Nhất	Tiếng Anh
42	08A004	LÊ THỊ THU	HÀNG	09/07/96	Lương Sơn - HB	18,50	Nhì	Tiếng Anh
43	08A006	NGUYỄN THÙY	LINH	08/02/96	Lương Sơn - HB	18,00	Nhì	Tiếng Anh
44	08A007	ĐỖ NHƯ	QUYÊN	16/04/96	BV Lương Sơn	17,00	Nhì	Tiếng Anh
45	08A005	PHAN TRỊNH THU	HƯƠNG	12/08/96	BV Lương Sơn	16,50	Nhì	Tiếng Anh
46	08A010	NGUYỄN THU	TRANG	18/12/96	BV Lương Sơn	16,00	Nhì	Tiếng Anh

KT. GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Quang Ngân